TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày: 25-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÊ THỊ DIỄM**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **LƯƠNG THẾ VINH**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **ĐINH VĂN THÔNG-** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1989 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 2, tổ 4, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T(1958) và bà Nguyễn Thị H(1961); Anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: 02 lần. Ngày 21/3/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong bản án ngày 08/02/2018. Ngày 20/9/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong bản án ngày 29/11/2020; Tiền sự: 01 lần. Ngày 18/3/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 14 tháng, đã chấp hành xong. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại tổ 4, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, lúc nhỏ đi học, sau đó ở nhà phụ giúp gia đình. Đến ngày 17/5/2013, bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 27/3/2014. Ngày 31/12/2014, bị cáo bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000đồng về hành vi gây rối trật tự khu dân cư, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày

13/01/2021, đến ngày 16/01/2021 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1958. Nơi cư trú: 2, tổ 4, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Phạm Văn P (B)**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt).

2. Chị **Trần Thị Thanh T (H),** sinh năm 1981. Nơi cư trú: khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt).

3. Chị **Triệu Thị Hồng C (H)**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có đơn xin vắng mặt).

4. Anh **Lâm Thành P,** sinh năm 1990. Nơi cư trú: khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Số 2, tổ 4, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là con ruột của ông Nguyễn Văn T. T là đối tượng sử dụng ma túy, có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích.

Khoảng 19 giờ ngày 08/01/2021, T mượn xe gắn máy biển số 63AN-051.94 của ông T để đi uống cà phê. Trong lúc uống cà phê, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe gắn máy biển số 63AN-051.94 cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khoảng 02 giờ ngày 09/01/2021, T đem xe gắn máy biển số 63AN-051.94 đến cầm cho anh Phạm Văn P và vợ là chị Trần Thị Thanh T với giá 1.300.000 đồng rồi lấy tiền chơi game bắn cá hết. Sau đó, T đến thuê nhà nghỉ Kim N ở ấp H, xã H, huyện C thuê một người bạn tên D (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) để xâm hình lên cơ thể T. Do không có tiền trả cho D nên T nhờ anh Lâm Thành P (bạn T chỉ chỗ để tiếp tục cầm xe gắn máy biển số 63AN-051.94 của ông T. T cùng với anh P đến nhà chị Triệu Thị Hồng C mượn trước số tiền 1.300.000 đồng để đến nhà anh P chuộc lại xe 63AN-051.94. Sau đó, T đem xe gắn máy biển số 63AN-051.94 đến cầm cho chị C. Chị C nhiều lần đưa tiền cầm xe cho T với tổng số tiền là 3.000.000đồng. T sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để trả cho D 700.000 đồng và số tiền còn lại 2.300.000 đồng T tiêu xài cá nhân hết. Sau khi biết T chiếm đoạt xe gắn máy biển số 63AN-051.94 cầm lấy tiền tiêu xài, ngày 13/01/2021, ông T đến Công an thị trấn C trình báo sự việc. Quá trình xác minh, T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG-TTHS ngày 13/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện C kết luận: xe gắn máy hiệu Dealim màu xanh biển số 63AN-051.94 trị giá 6.900.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án gồm: 01 xe gắn máy hiệu Dealim màu xanh biển số 63AN-051.94. Ngày 03/02/2021, Cơ quan điều tra trao trả xe gắn máy hiệu Dealim màu xanh biển số 63AN-051.94 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Nguyễn Văn T đã nhận lại xe gắn máy hiệu Dealim màu xanh biển số 63AN-051.94 nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị Hồng C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe là 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSCB ngày 31/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 12-15 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên thực hành quyền công tố công bố bản cáo trạng truy tố bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đức T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã nêu như sau: Bị cáo là con ruột của ông Nguyễn Văn T, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy và có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản". Vào ngày 08/01/2021, sau khi mượn xe gắn máy hiệu Dealim màu xanh biển số 63AN-051.94 trị giá 6.900.000đồng của ông Nguyễn Văn T để đi uống cà phê, Nguyễn Đức T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang xe gắn máy hiệu Dealim màu xanh biển số 63AN- 051.94 đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, sau đó sự việc bị phát hiện. Nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được Bộ luật hình sự ghi nhận và bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được việc mượn xe mô tô biển số 63AN -051.94 rồi đem đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bản thân bị cáo từng 01 lần bị đưa vào cơ sở giáo dục, 01 tiền sự và 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành án xong đáng lý ra bị cáo phải biết ăn năn, hối cải làm lại từ đầu, có ý chí phấn đấu vươn lên nhưng trái lại bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện việc phạm tội. Do

đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian rèn luyện bản thân để sớm hòa nhập cộng đồng và xã hội. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với anh Phạm Văn P, chị Trần Thị Thanh T, chị Triệu Thị Hồng C là người nhận cầm cố xe gắn máy biển số 63AN-051.94 và anh Lâm Thành P giới thiệu người cầm cố xe gắn máy biển số 63AN-051.94. Tuy nhiên, anh P, chị T, chị C và anh P không biết xe gắn máy biển số 63AN-051.94 do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không quy kết trách nhiệm hình sự.

[4] Về vật chứng của vụ án: đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Nguyễn Văn T đã nhận lại xe gắn máy hiệu Dealim màu xanh biển số 63AN-051.94 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị Hồng C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe là 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố phía Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ các điều 135, khoản 2 Điều 136, 331, 332, 333, 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 13/01/2021.

2. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Đức T; bị hại Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn P, chị Trần Thị Thanh T, chị Triệu Thị Hồng C và anh Lâm Thành P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm